TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 268/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 10 - 2022
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Kha
Ông Huỳnh Hoàng Khởi
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 535/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 293/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Sơn Văn T, sinh năm 1974 (có mặt).
Nơi cư trú: Số 168B, đường Lộ Mới, khóm H, phường K, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1973 (có mặt).
Nơi cư trú: Số 91, đường Lộ Mới, khóm H, phường C, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa ông Sơn Văn T là nguyên đơn trình bày: Ông và bà Lê Ngọc D sống chung vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường hay cải vả nhau và bất đồng ý kiến chung nên cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Đến tháng 02/2022 ông và bà D đã ly thân không còn chung sống. Nay ông xác định ông và bà D không còn tình cảm với nhau không thể về chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 03 người con chung tên Sơn Hoàng L, sinh năm 1994; Sơn Hoàng C, sinh năm 2000; Sơn Hoàng Th, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay cháu L và cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Th khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Th không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định giữa ông và bà D sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai không có nợ ai và cũng không ai nợ lại ông và bà D.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 13/10/2022, bà Lê Ngọc D là bị đơn trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian chung sống giữa bà và ông T đúng như ông T trình bày, bà và ông T không đăng ký kết hôn và đã ly thân với nhau từ đầu năm 2022 đến nay. Hiện nay giữa vợ chồng không còn tình cảm và đã không còn chung sống với nhau nên ông T yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà D xác định bà và ông T có 03 người con chung là Sơn Hoàng L, sinh năm 1994; Sơn Hoàng C, sinh năm 2000; Sơn C đã trưởng thành Hoàng Th, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay cháu L và cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Th hiện nay đang sống chung với ông T khi ly hôn bà đồng ý giao cháu Th cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà D xác định bà và ông T không nợ ai và cũng không ai nợ lại ông, bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Sơn Văn T và bà Lê Ngọc D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông T và bà D đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống cả ông T và bà D đều xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống và đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Tại biên bản hòa giải ngày 13/10/2022 và tại phiên tòa cả ông T và bà D đều thống nhất ly hôn. Mặc khác, do ông T và bà D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, không công nhận ông T và bà D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông T và bà D xác định có 03 người con chung tên Sơn Hoàng L, sinh năm 1994; Sơn Hoàng C, sinh năm 2000; Sơn Hoàng Th, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay cháu L và cháu C đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Th hiện nay đang sống chung với ông T khi ly hôn ông T và bà D thỏa thuận thống nhất tiếp tục giao cháu Th cho ông T nuôi dưỡng không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà D. Xét thấy sự thỏa thuận của ông T và bà D là trên tinh thần tự nguyện, không trái quy định pháp luật và phù hợp với

nguyện vọng của cháu Th được ghi nhận tại biên bản ngày 13/10/2022 nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Ông T và bà D xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông T và bà D xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét .

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình ông T phải nộp theo quy định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 9, 14, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sơn Văn T.

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Sơn Văn T và bà Lê Ngọc D là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Sơn Văn T và bà Lê Ngọc D có 03 người con chung tên Sơn Hoàng L, sinh năm 1994; Sơn Hoàng C, sinh năm 2000; Sơn Hoàng Th, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay cháu L và cháu C đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Sơn Hoàng Th hiện đang sống chung với ông T cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà D không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Ngọc D có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nợ chung: Không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Ông Sơn Văn T phải nộp số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*. Vào ngày 07/10/2022 ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002082 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông T, bà D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Huyền Trân